

Số: /SKHCN-CNTT

Hải Phòng, ngày tháng 11 năm 2025

V/v triển khai Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh
năm 2025 lĩnh vực chuyển đổi số trong cơ
quan nhà nước

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Quyết định số 1187/QĐ-BNV);

Thực hiện Công văn số 8537/SNV-CCHC&PC của Sở Nội vụ về việc tổ chức triển khai thực hiện việc Bộ Nội vụ ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ trao đổi một số nội dung như sau:

Tại Quyết định số 1187/QĐ-BNV có 10 chỉ số thuộc lĩnh vực chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước điều chỉnh, cập nhật, bổ sung so với Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh kèm theo Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 – 2030 (theo phụ lục gửi kèm). Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các cơ quan, đơn vị chú ý thực hiện, đảm bảo số điểm tối đa đạt được đối với Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của thành phố.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, phối hợp tháo gỡ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Cao Thắng

Phụ lục
Danh sách tiêu chí điều chỉnh, bổ sung trong Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025
lĩnh vực chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước
(Kèm theo Công văn số /SKHCN-CNTT ngày /11/2025)

STT	Tiêu chí cũ	Mức điểm	Tiêu chí mới	Mức điểm
	Tiêu chí 7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	13.5	Tiêu chí 7. Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước	16.00
1			Bổ sung tiêu chí 7.1. Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số - Tỷ lệ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch của tỉnh: 1.00 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là số mục tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0 - Tỷ lệ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao ngoài kế hoạch: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số mục tiêu, nhiệm vụ được giao b là số mục tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0; a = 0 thì đạt điểm tối đa	1.50
2	Tiêu chí 7.1.1. Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định - Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: 0.5 - Không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: 0	0.50	Tiêu chí 7.2.1. Triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc số cấp tỉnh - Rà soát, cập nhật kịp thời, đúng quy định: 0.5 Rà soát, cập nhật chưa kịp thời hoặc chưa đúng quy định: 0	0.50
3	Tiêu chí 7.1.2. Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số	1.00	Tiêu chí 7.2.2. Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ	1.00

STT	Tiêu chí cũ	Mức điểm	Tiêu chí mới	Mức điểm
	- Đã triển khai và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định: 1 Chưa triển khai hoặc chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định: 0		chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây - Triển khai Trung tâm dữ liệu: 0.5 Nếu đã triển khai và đạt tiêu chuẩn: 0.5 Đã triển khai nhưng chưa đạt tiêu chuẩn: 0.25 Chưa triển khai: 0 - Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu: 0.5 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 0.5$. Trong đó: a là tổng số hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, thành phố b là số lượng hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu..	
4	Tiêu chí 7.1.3. Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua LGSP	1.00	Tiêu chí 7.2.3. Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) Có ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức: 0.5 Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp: 0.25 Có ứng dụng AI nâng cao khác: 0.25	1.00
5	Tiêu chí 7.2.1. Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh - 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên: 0.25 - 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý	0.50	Tiêu chí 7.3.1. Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan HCNN - Đạt 100%: 0.5 - Đạt từ 80% - dưới 100%: 0.25 Đạt dưới 80%: 0	0.50

STT	Tiêu chí cũ	Mức điểm	Tiêu chí mới	Mức điểm
	văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 50% trở lên: 0.25			
6	Tiêu chí 7.2.2. Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền - 100% sở, ngành và tương đương đã kết nối: 0.25 - 100% UBND cấp huyện đã kết nối: 0.25 Từ 80% - 100% UBND cấp xã đã kết nối: 0.5	1.00	Tiêu chí 7.3.2. Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử - 100% nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử (các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng CP giao): 1 - 80% - dưới 100% nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử: 0.5 Dưới 80% nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử: 0	1.00
7			Bổ sung tiêu chí 7.3.3. Thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử - Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số/ Hệ thống phục vụ chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử: 0.5 Đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành: 0.5 Đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành: 0.25 Chưa triển khai xây dựng: 0 - Vận hành Bộ chỉ số/ Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử: 0.5 Cung cấp thông tin, dữ liệu đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu: 0.5 Cung cấp thông tin, dữ liệu không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0	1.00

STT	Tiêu chí cũ	Mức điểm	Tiêu chí mới	Mức điểm
8	Tiêu chí 7.3.3. Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết THCC Đã thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định: 1 Đã thiết lập nhưng chưa đầy đủ tính năng theo quy định: 0.5 Chưa thiết lập theo quy định: 0	1.00	Tiêu chí 7.4.3. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Đã xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất: 0.5 Thực hiện đồng bộ đầy đủ, thường xuyên với Cổng DVC quốc gia: 0.5	1.00
9	Tiêu chí 7.3.5. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $b/a \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình Nếu $b/a < 0.90$ thì điểm đánh giá là 0.	0.50	Tiêu chí 7.4.5. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $b/a \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số dịch vụ công b là số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình Nếu $b/a < 0.60$ thì điểm đánh giá là 0.	0.50
10	Tiêu chí 7.3.6. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)	1.50	Tiêu chí 7.4.6. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, thành phố b là tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình của DVCTT mức độ toàn trình Nếu $b/a \geq 0.7$ thì đạt điểm tối đa.	1.50